

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XÍN MÀN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 02-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MÀN, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thành
2. Ông Nông Xuân Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thào Thị Ly - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Xín Màn tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Màn, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Sin Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Màn, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2024/TLST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. HOÀNG NGỌC L, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1986 tại phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Hà Giang. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1; Trình độ học vấn: Trung cấp kinh tế - kỹ thuật. Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Hoàng Ngọc L1, sinh năm 1946 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1949. Có vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2024 đến ngày 28/3/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. LY VĂN P1, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1985 tại xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Hà Giang. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1; Trình độ học vấn: Trung cấp kinh tế - kỹ thuật. Dân tộc: Nùng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Ly Văn N, sinh năm 1960 và bà Lù Thị R, sinh năm 1961. Có vợ Hoàng Thị M, sinh năm 1987 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam

từ ngày 10/11/2023 đến ngày 02/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. MAI THỊ V1, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1987 tại xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Viên chức. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1; Trình độ học vấn: Trung cấp kinh tế - kỹ thuật. Dân tộc: Tày. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Mai Văn M1, sinh năm 1964 và bà Vì Thị C, sinh năm 1961. Có chồng Thèn Văn X, sinh năm 1992 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN VĂN T1, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1973 tại xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Cán bộ. Đảng, đoàn thể: Đảng viên; Trình độ học vấn: Đại học. Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Phúc L2, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1936 (đã chết). Có vợ Trần Thị H1, sinh năm: 1977 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/8/2024 bị cáo Nguyễn Văn T1 bị Tòa án nhân dân huyện Xín Mần xử phạt 14 tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" (Bản án số 08/2024/HS-ST). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2023. Hiện bị cáo đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

5. XIN KHẤY M3, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1960 tại xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Tổ C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1; Trình độ học vấn: Trung cấp y. Dân tộc: Nùng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Xin Lao S1, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Xin Già S2, sinh năm 1939 (đã chết). Có vợ Hoàng Thị R1, sinh năm 1960 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Tháp H2, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Sin Văn T2, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Vàng Thị R2, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Minh T3, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Trần Khải H3, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Ly Seo V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

- Anh Ly Chúng T4, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

- Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

- Ông Lù Văn M2, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Lù Văn X1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Hoàng Đức H4, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Cao Hạnh P, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Sin Sảo L3, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

- Bà Lê Thúy A, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

Người phiên dịch tiếng Nùng: Anh Lù Văn T5, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2001 ông S3 Sảo Lâm bán một thửa đất nương thuộc địa phận thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang cho ông Xin K May với số tiền 4.000.000 đồng. Ông L3 và ông M3 chỉ lập giấy mua bán đất viết tay với nhau, không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Năm 2017 ông Xin Kháy M3 bán lại thửa đất đã mua của ông S3 Sảo Lâm cho ông Nguyễn Tháp H2 ở tổ A thị trấn C, huyện X với giá 140.000.000 đồng. Hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo mẫu nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Năm 2018 ông Nguyễn Tháp H2 đem hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đưa cho ông Nguyễn Văn T1 và vợ là Trần Thị H1 giữ để vay 310.000.000 đồng.

Khoảng tháng 3 năm 2018 Nguyễn Văn T1 đến gặp Ly Văn P1 một vài lần để hỏi về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyễn Văn T1 nói có mua một thửa ở khu bãi cát và hỏi P1 thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. P1 trả lời là mua đất của người nào thì dẫn người đó đến cơ quan để được hướng dẫn.

Vài ngày sau, T1 đến lán chăn nuôi gặp Xin Kháy M3 và nói là thửa đất ông M3 bán cho ông Nguyễn Tháp H2 năm 2017 đã được T1 đã mua lại và nhờ May làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Lúc đầu M3 không đồng ý, sau khi nói chuyện và nỗ lực bà Trần Thị H1 vợ bị cáo T1 là đồng nghiệp cũ của M3, cộng thêm sự tin tưởng T1 là lãnh đạo Phòng tài nguyên và môi trường huyện sẽ không làm trái pháp luật nên đồng ý giúp T1. Sau đó M3 cùng T1 đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X có Hoàng Ngọc L, Mai Thị V1, Hoàng Văn Đ, Ly Văn P1 đang làm việc. T1 giới thiệu M3 và nói: “Trước có mua đất của Xin Kháy May giờ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Hoàng Ngọc L giao cho Ly Văn P1 hướng dẫn Xin Kháy M3 và Nguyễn Văn T1 làm hồ sơ. Sau đó Ly Văn P1 hỏi M3 về nguồn gốc đất thì M3 trả lời là đất trước đó mua của ông Sin Sảo L3. P1 hỏi M3 gia đình có ai trực tiếp sản xuất nông nghiệp không. May trả lời đều là cán bộ và người nghỉ hưu. P1 nói tiếp nếu không trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp lần đầu là thuê đất, còn trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp là giao đất. Nói xong P1 in mẫu đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và mẫu đơn đề nghị trích đo đưa cho T1 và M3 cầm về làm thủ tục.

Sau đó T1 và M3 thống nhất chọn em trai ruột của M3 là ông Xin Văn T6, sinh 1967 và vợ là Vàng Thị R2, sinh năm 1964, trú tại thôn P, xã T, huyện X đứng tên thay để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo M3 tìm gặp Xin Văn T6 mượn sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân của ông T6 và bà R2 về photo rồi đưa bản photo cho T1. Sau đó T1 chuẩn bị các giấy tờ liên quan cho vào túi hồ sơ rồi đưa cho M3 cầm đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X đưa cho Ly Văn P1. Khi đến nơi thì không gặp P1, M3 đưa hồ sơ cho Hoàng Ngọc L. Sau đó, L đưa hồ sơ cho Mai Thị V1 để làm các thủ tục tiếp nhận rồi chuyển cho Ly Văn P1. Sau nghỉ phép, P1 về cơ quan làm việc, kiểm tra hồ sơ không có giấy mua bán đất nên P1 gọi điện hỏi T1 thì T1 bảo có giấy tờ viết tay. Một ngày sau Xin Kháy May mang tờ giấy mua bán đất viết tay với ông Sin Sảo L3 lập trước đó vài ngày đến nộp cho P1. Ngày 17/4/2018, Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Xin Kháy M3, Nguyễn Văn T1 cùng hai hộ giáp ranh là Ly Chúng T4, Ly Seo V có mặt tại thực địa để trích đo thửa đất.

Trích đo xong Ly Văn P1 tiếp tục lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và báo cáo Hoàng Ngọc L về việc ông Xin Văn T6 đứng tên thay để cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nghe báo cáo, Hoàng Ngọc L đồng ý và bảo Ly Văn P1 lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Xin Văn T6.

Làm xong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, P1 gọi cho M3 lên lấy giấy tờ về cho Xin Văn T6 và các hộ giáp ranh ký. May đưa lại cho T1 mang đi xin chữ ký của các hộ giáp ranh. Ký xong, T1 mang về nộp cho P1 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

P1 gọi điện thoại cho M3 đến cơ quan để ký hợp đồng trích đo và một số giấy tờ còn thiếu. P1 đưa hợp đồng và giấy tờ cho M3. May ký giả mạo chữ ký của Xin Văn T6 tại bàn làm việc của P1.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ P1 chuyển cho L duyệt rồi L chuyển lại cho Mai Thị V1 thu tiền trích đo. Nguyễn Văn T1 nộp tiền trích đo là 14.960.000 đồng cho V1. Viên đưa tiền phí trích đo cho L quản lý và chuyển hồ sơ lên Ủy ban nhân dân thị trấn C để niêm yết công khai theo quy định. Ông Hoàng Minh T3, cán bộ địa chính thị trấn C là người tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn C.

Hết thời gian niêm yết công khai, ông Hoàng Minh T3 mang hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai giao cho Ly Văn P1. Phúc kiểm tra hồ sơ lần cuối và trình Hoàng Ngọc L ký duyệt hồ sơ và làm thủ tục đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H in hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận được hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, P1 chuyển hồ sơ cho Mai Thị V1 để làm thủ tục nộp thuế tại Chi cục thuế huyện X. Nguyễn Văn T1 đi kê khai nộp thuế và mang biên lai thu thuế về đưa cho Mai Thị V1. Mai Thị V1 chuyển hồ sơ sang Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện X ký giấy chứng nhận.

Ông Bùi Minh H5 phó Chủ tịch UBND huyện X đã ký hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 661534 và CN 661535 và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X. Phòng tài nguyên và môi trường chuyển lại hồ sơ và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Mai Thị V1. Mai Thị V1 vào Sổ tiếp nhận và trả kết quả, Nguyễn Văn T1 ký nhận hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2 và cầm về.

Nguyễn Văn T1 bảo vợ là Trần Thị H1 viết hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng là Xin Văn T6, bên nhận chuyển nhượng là Trần Thị H1 nhằm chuyển nhượng thửa đất từ Xin Văn T6 về cho Trần Thị H1. Hợp đồng này chưa được làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tháng 12/2021 ông Nguyễn Thập H2 phát hiện thửa đất mình mua của ông Xin K May đã được Nguyễn Văn T1 trừ nợ và đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Xin Văn T6 để đứng tên thay cho T1. Ông H2 làm đơn lên Ủy ban nhân dân thị trấn C để giải quyết và làm đơn tố cáo đến Công an huyện X.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Các tài liệu tạm giữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu lập ngày 21/3/2022.

- Các tài liệu do bị cáo Nguyễn Văn T1 giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 14/4/2022; bà Trần Thị H1 (vợ bị cáo Nguyễn Văn T1) giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu ngày 15/7/2024; bị cáo Ly Văn P1 giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu ngày 22/7/2024; bị cáo Hoàng Ngọc L giao nộp theo Biên bản giao nhận tài liệu ngày 22/7/2024.

Các tài liệu trên được đánh số bút lục, đưa vào bảo quản kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) cây máy tính nhãn hiệu HP prodeck 400 G3 MT business PC, Intel, core i3, serial No. SGH548R1C3, màu đen, kích thước dài 35,5 cm, rộng 16,5 cm, cao 35,5 cm. Trên cây máy tính có cắm 01 (một) USB nhãn hiệu sandisk. Cây cũ đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X theo Quyết định xử lý vật chứng số 13/QĐ-ĐTTH ngày 17/11/2023.

- 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, điện thoại có số IMEI 1: 35 412193 821931 4, số IMEI 2: 35 412193 789082 6, điện thoại không lắp sim. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại cho chủ sở hữu bà Lê Thúy A theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 94/QĐ-ĐTTH ngày 26/3/2024.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu SAMSUNG, số loại A73 5G, trên mặt sau điện thoại có chữ SAMSUNG IMEI: 354626/19/176283/4, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại cho bị cáo Hoàng Ngọc L theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 98/QĐ-ĐTTH ngày 29/3/2024.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh đen, nhãn hiệu OPPO, trên mặt điện thoại có chữ OPPO DESIGNED BY OPPO, được ốp lưng bằng miếng ốp nhựa màu đen, trên ốp nhựa có chữ "AUTO FOCU Ultimate Exprience", điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại cho bị cáo Ly Văn P1 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 101/QĐ-ĐTTH ngày 01/4/2024.

- Trong quá trình điều tra vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện X có tiếp nhận, tạm giữ nhiều tài liệu liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Xin Văn T6, các tài liệu do các bị cáo giao nộp và các tài liệu khác được tạm giữ làm mẫu so sánh phục vụ giám định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại cho chủ sở hữu theo các Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 149/QĐ-ĐTTH ngày 26/5/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 165/QĐ-ĐTTH ngày 21/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 166/QĐ-ĐTTH ngày 21/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 167/QĐ-ĐTTH ngày 21/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 168/QĐ-ĐTTH ngày 24/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 169/QĐ-ĐTTH ngày 24/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 170/QĐ-ĐTTH ngày 24/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số

171/QĐ-ĐTTH ngày 24/6/2024, Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 172/QĐ-ĐTTH ngày 24/6/2024.

Về kết quả giám định:

*** Giám định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Xin Văn T6 và Vàng Thị R2.**

- Ngày 16/01/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra Quyết định trưng cầu giám định số 01, trưng cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H giám định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Xin Văn T6. Ngày 25/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện X ban hành Công văn số 62/CV-ĐTTH về việc đề nghị bổ sung thêm nội dung trong bản kết luận giám định tư pháp liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Xin Văn T6, bà Vàng Thị R2.

Sở T kết luận: “Ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2 không được đứng tên thay cho người khác để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đó tại thôn V, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang”.

*** Giám định về tài liệu, chữ ký, chữ viết**

- Ngày 28/4/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra quyết định trưng cầu giám định số 10 trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh H giám định chữ ký, chữ viết của Xin Văn T6, Trần Thị H1, Nguyễn Văn T1 trên một số tài liệu liên quan đến vụ án. Ngày 06/5/2022 Phòng K1 Công an tỉnh H ra Bản kết luận giám định số 168/KL-KTHS. Kết luận:

“1. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ ký đứng tên Xin Văn T6, Sin Văn T2 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A21 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Sin Văn T2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người viết và ký ra không.

Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị H1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A20, A21 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M10 do cùng một người viết và ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A22 và chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A23 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M11 đến M15 có phải do cùng một người ký ra không”.

- Ngày 12/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra quyết định trưng cầu giám định số 13, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh H giám định chữ ký, chữ viết của Xin Kháy May ký thay Xin Văn T6 trên một số tài liệu liên quan. Ngày 27/6/2022 Phòng K1 Công an tỉnh H ra Bản kết luận giám định số 211/KL-KTHS. Kết luận:

“Không đủ cơ sở kết luận chữ viết đứng tên Xin Văn T6, Sin Văn T2 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4, A10, A12 đến A14, A16, A19 đến A21 và chữ viết đứng tên Xin Văn T6 dưới mục “Người viết đơn” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A8, A15 so với chữ viết đứng tên Xin Kháy May trên

các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 có phải do cùng một người viết ra không.

Chữ viết dưới mục “I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A8, A15 so với chữ viết đứng tên Xin Kháy May trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một người viết ra.

Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5 (trừ chữ viết đứng tên Sin S, Ly Chúng X2, dưới mục “Người chứng kiến”, “Người chuyển nhượng”) so với chữ viết đứng tên Xin Kháy May trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên Xin Văn T6, Sin Văn T2 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A21 so với chữ ký đứng tên Xin Kháy May trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 khác dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Ngày 12/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra quyết định trưng cầu giám định lại số 01/QĐ-ĐTTH, T7, Bộ C1 giám định lại chữ ký của Nguyễn Văn T1 trên các tài liệu liên quan đến vụ án. Ngày 30/9/2022 V2 Bộ C1 ra bản Kết luận giám định số 3815/KL-KTHS kết luận:

“Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T1, KT Toàn cần giám định trên các mẫu ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người ký ra”.

- Ngày 06/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra Quyết định trưng cầu giám định lại số 02/QĐ-ĐTTH trưng cầu V2, Bộ C1 giám định lại chữ ký của Xin Kháy M3 ký thay Xin Văn T6 trên các tài liệu cần giám định trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Xin Văn T6. Ngày 07/11/2022 V2, Bộ C1 ra Kết luận giám định số: 4445/K1-KTHS kết luận:

“Chữ ký “Thi” và các chữ “Xin Văn T6”, “Sin Văn T2” cần giám định trên các mẫu ký hiệu A1, A2, A4, A5, A6, A7, A9, A10, A12, A13, A15, A16, A19 đến A23 so với chữ viết của Xin Kháy May trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký, viết ra.

Người có mẫu chữ viết mang tên Xin K May không ký, viết ra chữ ký “Thi” và các chữ “Xin Văn T6” cần giám định trên các mẫu ký hiệu A3, A7, A11, A14, A17 và A18”.

- Ngày 23/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra Quyết định trưng cầu giám định số 55/QĐ-ĐTTH trưng cầu V2, Bộ C1 giám định chữ viết chữ ký của Nguyễn Văn T1, Trần Thị H1 trên một số tài liệu liên quan (Hai tờ kê khai thông tin thuế). Ngày 05/01/2024 V2 ra bản Kết luận giám định số 8633/KL-KTHS kết luận:

“Chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu A2, A3 so với chữ viết của Nguyễn Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 do cùng một người viết ra”

- Ngày 28/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra Quyết định trưng cầu giám định số 56/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh H giám định

chữ ký của Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 và hình dấu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X trên các tài liệu trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Xin Văn T6. Ngày 19/12/2023 Phòng KTHS Công an tỉnh H ra bản kết luận giám định số 383/KL-KTHS. Kết quả giám định xác định: Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 *ký chữ ký của mình trên các tài liệu trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Xin Văn T6, hình dấu là hình dấu của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X.*

- Ngày 10/01/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra Quyết định trưng cầu giám định số 17/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng KTHS Công an tỉnh T giám định Dữ liệu điện tử là điện thoại di động của bà Trần Thị H1 và bà Lê Thúy A để xác định bà Trần Thị H1 và bà Lê Thúy A có trao đổi với nhau qua tin nhắn Zalo hay không. Ngày 23/02/2024 Phòng KTHS Công an tỉnh T ra bản Kết luận giám định số: 171/KL-KTHS kết luận:

“...tìm thấy 23 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo giữa hai tài khoản Zalo đang đăng nhập trong mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2”.

Căn cứ kết quả giám định và lời khai của bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Thập H2, bà Lê Thúy A xác định bà Trần Thị H1 gửi ảnh chụp bản kê khai chi tiết khoản nợ 310.000.000 đồng, tình hình trả nợ của ông H2, trong đó có nội dung cản trừ tiền đất của Xin Kháy May 140.000.000 đồng. Thông tin này bà H1 có nhờ bà A nói cho ông H2 biết.

Về kết luận định giá tài sản

Ngày 25/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra Yêu cầu định giá tài sản số: 01/YC-ĐTTH định giá tài sản là 3 thửa đất trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thập H2.

Ngày 06/6/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X ra kết luận định giá tài sản số: 175/KL-HĐĐGTS kết luận 3 thửa đất số 131,132,133 thuộc tờ bản đồ số 20 có tổng giá trị là: 434.217.600 đồng (*Bốn trăm ba mươi tư triệu hai trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng*).

Về bồi thường dân sự:

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại Nguyễn Thập H2 với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn T1 bồi thường 40.000.000 đồng (*Bị cáo uỷ quyền cho vợ Trần Thị H1 tham gia thỏa thuận bồi thường*), các bị cáo L, P1, V1, M3 mỗi bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thập H2 đã nhận đủ tiền bồi thường và không có đề nghị gì.

Về trách nhiệm của ông Trần Khải H3: Năm 2018 ông Trần Khải H3 là Phó Chủ tịch UBND thị trấn C là người ký xác nhận các tài liệu niêm yết công khai, ký các thủ tục khác có trong hồ sơ theo thẩm quyền. Do tin tưởng Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tin tưởng ông Hoàng Minh T3 là công chức địa chính xã nên đã không kiểm tra kỹ lại để xác định có phải ông Xin Văn T6 là người có được nhận chuyển quyền sử dụng đất hay không. Ông Trần Khải H3 không biết việc các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Xin Kháy May, Nguyễn Văn T1 chọn ông Xin

Văn T6 đứng tên thay để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải của mình. Từ đó xác định ông Trần Khải H3 đã thiếu trách nhiệm trong khi thi hành công vụ. Hành vi của ông Trần Khải H3 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hiện nay ông Trần Khải H6 đã nghỉ hưu, đã hết thời hiệu xử lý kỷ luật nên không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

Về trách nhiệm của ông Hoàng Minh T3: Thời điểm trích đo thửa đất ông Hoàng Minh T3 đang là công chức địa chính thị trấn C không có mặt tại hiện trường do đi công tác vắng. Do tin tưởng kết quả trích đo của Ly Văn P1 và Hoàng Ngọc L, Hoàng Minh T3 đã không kiểm tra lại mà làm niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Ông Hoàng Minh T3 không biết việc các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Xin Kháy May, Nguyễn Văn T1 chọn ông Xin Văn T6 đứng tên thay để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó xác định ông T3 đã thiếu trách nhiệm trong khi thi hành công vụ. Hành vi của ông T3 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hiện nay đã hết thời hiệu xử lý kỷ luật nên không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

Với hành vi nêu trên, ngày 23/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang ra bản Cáo trạng số 09/CT-VKSXM truy tố các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1, Nguyễn Văn T1, Xin K May về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang phát biểu lời luận tội và tranh luận:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3 phạm tội "Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi".

2. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Hoàng Ngọc L: Áp dụng khoản 1 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 32 tháng.

- Đối với bị cáo Ly Văn P1: Áp dụng khoản 1 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng.

- Đối với bị cáo Mai Thị V1: Áp dụng khoản 1 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Đối với bị cáo Xin Kháy M3: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 366, điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 366; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án 08/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1, Xin Kháy M3.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với tội "Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi". Đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án 08/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

3. Về vật chứng: Không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì về nội dung luận tội, đối đáp với Kiểm sát viên.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin K M3 đồng ý với kết luận về tội danh của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định: Năm 2018 các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng đối tượng cho ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2. Các bị cáo biết mảnh đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải của ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2. Do nể nang, quen biết trong quan hệ công tác với bị cáo Nguyễn Văn T1, các bị cáo L, P1, V1 đã cố ý lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hành vi của các bị cáo L, P1, V1 đã cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần truy tố bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của các bị cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định: Năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn T1 cho ông Nguyễn Thập H2 vay 310.000.000 đồng. Ông H2 đã sử dụng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị cáo Xin K May đưa cho bị cáo T1 giữ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Bị cáo Nguyễn Văn T1 nói với bị cáo M3 là đã mua thửa đất của ông H2 và nhờ bị cáo M3 làm thủ tục chuyển nhượng. Bị cáo M3 đồng ý và sau khi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thì được biết người không trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì phải thuê đất. Bị cáo T1 và bị cáo M3 chọn hai vợ chồng ông Xin Văn T6, bà Vàng Thị R2 là em trai bị cáo M3 là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp đứng tên hộ. Bị cáo M3 đã mượn sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2, lập hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ các tình tiết phạm tội, ý chí chủ quan của tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 và Xin Kháy M3 về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là chưa đúng quy định của pháp luật. Tại bản luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần chuyển tội danh đối với bị cáo T1 và bị cáo M3 sang tội “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi” theo điểm b khoản 1 Điều 366 của Bộ luật hình sự. Việc chuyển tội danh của Viện kiểm sát tại phiên tòa có khung hình phạt nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy việc chuyển tội danh này là có lợi cho bị cáo, phù hợp với Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự và không trái với quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, tuy không gây thiệt hại về vật chất cho bị hại, cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội khác nhưng đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước nơi các bị cáo công tác, ảnh hưởng tới lòng tin của nhân dân vào cơ quan nhà nước. Do vậy cần xử phạt các bị cáo với hình phạt đủ nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1: Trong vụ án này, mặc dù có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc mà cùng chung thực hiện công việc theo chức trách nhiệm vụ được giao và không có vụ lợi cá nhân. Bị cáo Hoàng Ngọc L là người chỉ đạo, điều hành các bị cáo khác làm trái nguyên tắc nên là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Ly Văn P1 tham gia với vai trò giúp sức, là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp lập hồ sơ, đo đạc, làm các thủ tục khác để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo Mai Thị V1 tham gia trong vụ án này với vai trò không đáng kể như vào sổ, thu tiền trích đo. Trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm với nhau theo khoản 3 Điều 17 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3: Từ việc bị cáo Nguyễn Văn T1 cho ông Nguyễn Thập H2 vay 310.000.000 đồng và đưa cho bị cáo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H2 và bị cáo M3 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Bị cáo T1 là người được ăn học và giữ chức vụ tại cơ quan nhà nước, bị cáo có đủ nhận thức về pháp luật để biết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái phép từ ông H2 cho người khác không được sự đồng ý của ông H2 là trái pháp luật. Bị cáo đã bàn bạc với bị cáo M3 và bị cáo M3 là người chuyên nhượng quyền sử dụng đất cho ông H2 cũng thừa biết một thửa đất bán cho người này lại chuyển nhượng cho người khác chưa được sự đồng ý của họ là vi phạm pháp luật. Bị cáo M3 đã tích cực giúp bị cáo T1 như mượn chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của vợ chồng em trai là Xin Văn T6 và Vàng Thị R2, lập hồ sơ, liên lạc với ông Xin Sảo L4 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Xin Văn T6. Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã dùng ảnh hưởng của mình là cấp trên về mặt nghiệp vụ để tác động đến các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Xin Văn T6, bà Vàng Thị R2. Bị cáo M3 là người giúp bị cáo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo M3 là đồng phạm trong vụ án này với vai trò giúp sức theo khoản 3 Điều 17 Bộ luật hình sự.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không ai có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Ngọc L: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Ngọc L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Hoàng Ngọc L đã thỏa thuận bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thập H2 với số tiền là 10.000.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Ngọc L1, sinh năm 1946 được Nhà nước tặng Huy

chương kháng chiến hạng Nhì, có giấy chứng nhận thương binh loại A, hạng 2/4 đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Ly Văn P1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ly Văn P1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Ly Văn P1 đã thoả thuận bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thập H2 với số tiền là 10.000.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Mai Thị V1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai thị V1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Mai Thị V1 đã thoả thuận bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thập H2 với số tiền là 10.000.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã uỷ quyền cho vợ là bà Trần Thị H1 đứng ra thoả thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thập H2 40.000.000 đồng; Năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi theo khoản 1 Điều 366 Bộ luật hình sự. Năm 2021 bị cáo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự, đã bị xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Văn T1 có nhiều thành tích xuất sắc được cấp ủy, chính quyền huyện X và tỉnh Hà Giang ghi nhận và trao tặng nhiều giấy khen, bằng khen và nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mẹ bị cáo Nguyễn Văn T1 là bà Nguyễn Thị X3 được Chủ tịch nước C2 tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; bị hại ông Nguyễn Thập H2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T1, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Xin Kháy M3: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Xin K May thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Xin Kháy M3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo Xin Kháy M3 đã thoả thuận bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thập H2 10.000.000 đồng; Bị cáo M3 có nhiều thành tích xuất sắc được cấp ủy, chính quyền huyện X, Ủy ban nhân dân tỉnh H, Bộ Y ghi nhận và trao tặng nhiều giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương, danh hiệu chiến sĩ thi đua

cơ sở, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Xin K M3 là ông Xin Lao S1, sinh năm 1934 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bị hại ông Nguyễn Thập H2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo X4 Kháy May, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[13] Nhân thân các bị cáo: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

[14] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 14 (mười bốn) tháng tù về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Bản án số 08/2024/HS-ST được thực hiện sau ngày bị cáo thực hiện hành vi: “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi”. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, không tính là có tiền án đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 trong vụ án này.

[15] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1: Các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo P1 và bị cáo L đều có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo P1 có một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo L có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo L, bị cáo P1 có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện.

[16] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo Mai Thị V1: Bị cáo Mai Thị V1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo V1 có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo V1 có một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo V1 là người giữ vai trò không đáng kể trong vụ án này, bị cáo Mai Thị V1 có nơi làm việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[17] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Bị cáo Nguyễn Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T1 có bốn tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T1 là người khởi xướng và nhờ bị cáo M3 cùng thực hiện tội phạm, lợi dụng ảnh hưởng về chuyên môn là cấp trên của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện

X tác động đến các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và chỉ cần áp dụng ở mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[18] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo Xin Kháy M3: Bị cáo Xin Kháy M3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo M3 có bốn tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo M3 có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo M3 vì nỗ lực đã tích cực giúp bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội, tuy không vụ lợi nhưng nhờ có sự giúp đỡ của bị cáo M3, bị cáo T1 mới hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H2 sang ông T6 và bà R2. Bị cáo M3 phải chịu trách nhiệm với hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Xin K May có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[19] Về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1: Theo khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự các bị cáo còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra xác định các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 không vì mục đích vụ lợi, do người khác ảnh hưởng đã dẫn đến tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1.

[20] Về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3: Theo khoản 4 Điều 366 của Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra xác định các bị cáo Nguyễn Văn T1 chưa gây ra thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thập H2 và thiệt hại cho cơ quan, tổ chức; bị cáo Xin Kháy M3 không vì mục đích vụ lợi. Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3.

[21] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 661534 và CN 661535 đứng tên ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cấp sai đối tượng cần phải thu hồi theo điểm d khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai 2024. Vậy cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện X ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 661534 và CN 661535 cấp cho ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2.

[22] Về đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận.

[23] Đối với vật chứng của vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra quyết định xử lý, các bị cáo không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[24] Về bồi thường dân sự: Bị hại ông Nguyễn Thập H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1, ông Xin Văn T6, bà Vàng Thị R2 không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[25] Xét lời nói sau cùng của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[26] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1, Nguyễn Văn T1, Xin Kháy May phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 290, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 356, điểm b khoản 1 Điều 366, điểm b, điểm i, điểm s điểm v khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 38, Điều 56, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Điểm d khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai 2024;

- Khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3 phạm tội: "Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi"

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 14 (Mười bốn) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2023.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc L 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (Hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 02/10/2024).

- Xử phạt bị cáo Ly Văn P1 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 02/10/2024).

Giao các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Mai Thị V1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo X5 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Xin Kháy M3, Mai Thị V1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung:

Không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1, Nguyễn Văn T1, Xin Kháy M3.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt bổ sung tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang là: Cấm bị cáo Nguyễn Văn T1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác quản lý đất đai là 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Về bồi thường dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Thập H2 không đề nghị có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Xin Văn T6, bà Trần Thị H1, bà Vàng Thị R2 không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sai đối tượng: Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện X ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 661534 và CN 661535 cấp cho ông Xin Văn T6 và bà Vàng Thị R2.

6. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ly Văn P1, Mai Thị V1, Nguyễn Văn T1, Xin K May mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Xín Mần;
- Công an huyện Xín Mần;
- THADS huyện Xín Mần;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PC10; PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- UBND thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bình